TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2019/KDTM -ST
Ngày: 29/11/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Đặng Văn Quý

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Lê Hà – kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 50/2019 /KDTM-ST ngày 21/05/2019 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2019/QĐST-KDTM ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH V

Địa chỉ: đường N, phường M, quận X, TP HCM.

Đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Phạm Thái K (Giấy ủy quyền số 05/19/UQ ngày 01/9/2019)

- Bị đơn: Công ty TNHH S
Địa chỉ : đường L, phường H, quận T, TP HCM
Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Lê A là đại diện theo pháp luật

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH V có ông Huỳnh Phạm Thái K là đại diện hợp pháp trình bày:

Công ty TNHH V kinh doanh trong lĩnh vực nhập khẩu và phân phối thuốc nhuộm vải.

Giữa Công ty TNHH V và Công ty TNHH S có mối quan hệ mua bán thuốc nhuộm vải, đặt hàng qua điện thoại, không có hợp đồng mua bán, cụ thể như sau:

Dư nợ phát sinh trong năm 2014 là 486.150.500 đ, phát sinh trong năm 2015 là 700.613.980 đ. Thanh toán ngày 12/2/2015 là 12.264.480 đ. Dư nợ còn lại cuối năm 2015 là 1.174.500.000.

Tháng 1/2016 công ty TNHH S thanh toán 300.000.000 đ, tháng 3/2016 công ty TNHH S thanh toán 100.000.000 đ.

Ngày 28/10/2017, đại diện hai công ty có cuộc gặp xác nhận số nợ còn lại là 774.500.000 đ chưa bao gồm tiền lãi phải trả theo các văn bản thỏa thuận trước và ông A (giám đốc công ty TNHH S) cam kết sẽ trả số nợ còn lại này, tuy nhiên cho đến nay công ty TNHH S vẫn chưa trả được số nợ trên

Nay Công ty TNHH V yêu cầu Công ty TNHH S phải trả nợ gốc là 774.500.000 đ và lãi tính từ ngày tháng 3/2016 đến ngày 28/2/2019 theo lãi suất quá hạn do ngân hàng nhà nước quy định là 774.500.000 đ x35 tháng = 271.075.000 đ.

Bị đơn - công ty TNHH S vắng mặt mặc dù đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án không lấy lời khai của bị đơn được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH S phải trả nợ gốc là 774.500.000 đ và lãi tính từ ngày 1/4/2016 đến ngày 28/2/2019 theo mức lãi suất huy động trung bình của 3 ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, về phần nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án,được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH S có địa chỉ trụ sở tại đường L, phường H, quận T, TP Hồ Chí Minh trả lại tiền còn thiếu theo hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T theo qui định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn - Công ty TNHH S nhưng bị đơn vắng mặt, căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH S trả cho nguyên đơn số tiền 774.500.000 đ và tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa Công ty TNHH V và Công ty TNHH S có mối quan hệ mua bán nhưng không có hợp đồng, tại biên bản làm việc ngày 25/10/2014, ông Nguyễn Lê A – giám đốc Công ty TNHH S xác nhận công nợ còn lại là 1.451.900.000 đ, cam kết thanh toán trong thời hạn: Tháng 11/2014 từ 200 triệu đến 300 triệu, tháng 12/2014 từ 200 triệu đến 400 triệu, tháng 1/2015 400 triệu, tháng 2/2015 thanh toán toàn bộ số nợ quá hạn còn lại, nếu Công ty TNHH S không thanh toán đúng cam kết thì Công ty TNHH S có trách nhiệm trả lãi vay trả chậm cho công ty

TNHH V bằng 1,5 lần lãi suất cho vay của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm tính toán và được tính theo thời gian trễ hạn theo hợp đồng. Tại biên bản xác nhận công nợ ngày 09/1/2016, hai bên xác nhận số tiền còn lại là 1.174.500.000 đ. Ngày 28/10/2017, hai bên xác nhận số nợ công ty TNHH S còn nợ công ty TNHH V là 774.500.000 đ chưa bao gồm tiền lãi phải trả theo các văn bản thỏa thuận trước. Nay nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH S phải trả nợ gốc là 774.500.000 đ và lãi trên số nợ gốc trên tính từ ngày 1/4/2016 đến ngày 28/2/2019 theo mức lãi suất huy động trung bình của 3 ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (6,8%/năm), ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (7%/năm), Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam (6,8%/năm) là 6,86% năm x 34 tháng 27 ngày x 774.500.000 đ = 154.071.285 đ trả ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho Công ty TNHH S nhưng phía bị đơn không đến Tòa, không có ý kiến phản hồi, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Công ty TNHH S phải nộp án phí sơ thẩm là 39.857.138 đ (Ba mươi chín triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn một trăm ba mươi tám đồng)

Hoàn lại cho Công ty TNHH V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.683.625 đ (Hai mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038438 ngày 14/05/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật thương mại.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Công ty TNHH V

Buộc Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH V số tiền nợ gốc là 774.500.000 đ (Bảy trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng), nợ lãi là 154.071.285 đ (Một trăm năm mươi bốn triệu không trăm bảy mươi mốt ngàn hai trăm tám mươi lăm đồng), tổng cộng: 928.571.285 đ (Chín trăm hai mươi tám triệu năm trăm bảy mươi mốt ngàn hai trăm tám mươi lăm đồng).

Thời hạn thanh toán : Ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: Công ty TNHH S phải nộp án phí sơ thẩm là 39.857.138 đ (Ba mươi chín triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn một trăm ba mươi tám đồng)

Hoàn lại cho Công ty TNHH V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.683.625 đ (Hai mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038438 ngày 14/05/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. T;
- THADS Q. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Thị Hồng Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân	Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa